

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 9 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 8, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG HỖ

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	1	69	7.5	Bảy rưỡi	
2	Trần Hoàng Anh	2	71	7.0	Bảy	
3	Nguyễn Văn Anh	3	37	7.5	Bảy rưỡi	
4	Ninh Thị Chi	4	75	7.5	Bảy rưỡi	
5	Nguyễn Thị Chín	5	56	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thị Hồng Diên	6	72	7.5	Bảy rưỡi	
7	Đào Thị Kim Dung	7	45	7.0	Bảy	
8	Lưu Thị Dung	8	57	7.5	Bảy rưỡi	
9	Mã Văn Dũng	9	67	6.5	Sáu rưỡi	
10	Nguyễn Việt Dũng	10	76	6.0	Sáu	
11	Đoàn Thị Thùy Dương	11	40	8.5	Tám rưỡi	
12	Phạm Thị Thùy Dương	12	68	6.5	Sáu rưỡi	
13	Phạm Đại Dương	13	58	6.5	Sáu rưỡi	
14	Nguyễn Việt Duy	14	82	6.0	Sáu	
15	Dương Thị Hương Giang	15	70	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Thị Phương Giang	16	05	7.5	Bảy rưỡi	
17	Trần Thị Hương Giang	17	14	7.5	Bảy rưỡi	
18	Lê Thị Thu Hà	18	03	7.5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Thị Thu Hà	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
20	Phạm Thị Hồng Hạnh	19	07	7.5	Bảy rưỡi	
21	Lưu Thị Hạnh	20	36	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
22	Nguyễn Hồng Hạnh	21	79	7.0	Bảy	
23	Nông Thị Hậu	22	80	7.5	Bảy rưỡi	
24	Nguyễn Thị Hoa	23	48	8.0	Tám	
25	Trần Thu Hoài	24	51	8.0	Tám	
26	Nguyễn Thị Hoan	25	52	8.0	Tám	
27	Bùi Thị Hoàn	26	73	7.0	Bảy	
28	Nguyễn Thị Hoàn	27	59	7.5	Bảy rưỡi	
29	Dương Mạnh Hồng	28	10	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Bích Hồng	29	06	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thị Hồng	30	42	7.5	Bảy rưỡi	
32	Diệp Thu Huệ	31	18	8.0	Tám	
33	Nguyễn Thị Thu Hương	32	31	7.5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Trọng Hương	33	24	7.5	Bảy rưỡi	
35	Bùi Thị Thanh Huyền	34	33	7.5	Bảy rưỡi	
36	Nguyễn Thị Thanh Huyền	35	66	8.0	Tám	
37	Nguyễn Thị Huyền	36	54	8.0	Tám	
38	Âu Thu Huyền	37	38	7.5	Bảy rưỡi	
39	Vũ Lệ Huyền	38	64	8.0	Tám	
40	Nguyễn Cao Kỳ	39	44	7.5	Bảy rưỡi	
41	Vũ Đại Lâm	40	13	7.5	Bảy rưỡi	
42	Trần Thị Hương Lan	41	16	7.5	Bảy rưỡi	
43	Vũ Thị Thúy Lan	42	28	8.0	Tám	
44	Tô Thị Liễu	43	63	8.0	Tám	
45	Phạm Thị Diệu Linh	44	11	8.0	Tám	
46	Trần Nhật Linh	45	17	8.0	Tám	
47	Trần Thu Linh	46	23	8.0	Tám	
48	Nguyễn Thị Hiền Lương	47	08	8.0	Tám	
49	Hoàng Thị Luyện	48	77	6.0	Sáu	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
50	Phạm Thị Phương Nga	49	12	8.0	Tám	
51	Trần Thanh Ngân	50	19	7.5	Bảy rưỡi	
52	Lưu Quang Nghĩa	51	81	7.0	Bảy	
53	Hoàng Thị Nguyệt	52	53	8.0	Tám	
54	Hoàng Thị Thanh Nhài	53	60	7.5	Bảy rưỡi	
55	Ngô Thị Nhạn	54	50	7.5	Bảy rưỡi	
56	Nguyễn Thị Hồng Như	55	35	7.5	Bảy rưỡi	
57	Chu Thị Oanh	56	26	8.0	Tám	
58	Phạm Thu Phương	57	43	7.5	Bảy rưỡi	
59	Lê Duy Phương	58	39	7.0	Bảy	
60	Trần Thị Lệ Quyên	59	46	7.5	Bảy rưỡi	
61	Nguyễn Thị Mỹ Quỳnh	60	34	8.0	Tám	
62	Đặng Văn Thanh	61	22	7.5	Bảy rưỡi	
63	Phương Thị Thảo	62	01	7.0	Bảy	
64	Nguyễn Đình Thông	63	30	7.5	Bảy rưỡi	
65	Nguyễn Văn Thông	64	74	6.5	Sáu rưỡi	
66	Lý Thị Thu	65	49	7.5	Bảy rưỡi	
67	Trần Thị Cẩm Thúy	66	09	6.5	Sáu rưỡi	
68	Võ Thị Mạnh Thủy	67	65	7.5	Bảy rưỡi	
69	Lê Thanh Trà	68	32	8.0	Tám	
70	Nguyễn Thị Trà	69	27	8.0	Tám	
71	Dương Minh Trí	70	29	8.0	Tám	
72	Phạm Thùy Trang	71	02	8.0	Tám	
73	Phan Văn Trọng	72	20	7.5	Bảy rưỡi	
74	Trần Anh Tú	73	61	8.0	Tám	
75	Lương Thanh Tuấn	74	55	7.5	Bảy rưỡi	
76	Trần Sơn Tùng	-	-	-	-	Chuyển lớp
77	Bùi Thanh Tuyên	75	62	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
78	Đặng Thị Kim Tuyền	76	47	7.0	Bảy	
79	Dương Thị Tuyết	77	21	8.0	Tám	
80	Nguyễn Thị Hồng Vân	78	41	7.5	Bảy rưỡi	
81	Nguyễn Thị Vân	79	15	7.5	Bảy rưỡi	
82	Nguyễn Khánh Vân	80	78	7.0	Bảy	
83	Lê Sỹ Việt	81	25	7.5	Bảy rưỡi	
84	Ngô Thị Yến	82	04	8.0	Tám	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XĐĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

